TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-ST.
Ngày: 31-8-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Thọ.

Ông Lý Thanh Phong.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tuấn Hòa là Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91a/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hữu T; cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Danh Trí D.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Danh Trí D: Bà Trương Thị Trúc P (có mặt).

Cùng cư trú tại ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 8 năm 2018.

2. Bà Trương Thị Trúc P (tên gọi khác Chúc P); cư trú tại ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 28 tháng 6 năm 2018 nguyên đơn ông Trần Hữu T trình bày:

Vào ngày 22 tháng 8 năm 2016, vợ chồng ông Danh Trí D và bà Trương Thị Trúc P có hỏi vay của ông T số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, thỏa thuận thời gian trả là 01 tháng, không có làm giấy tờ, từ khi vay đến tháng 11 năm 2016 ông D và bà P đã trả đủ tiền lãi là 2.000.000 đồng, nhưng từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay ông D và bà P không trả tiền lãi cũng không trả tiền vốn cho ông T. Tính đến ngày 21 tháng 6 năm 2018, ông D và bà P còn thiếu tiền vốn là 10.000.000 đồng và tiền lãi 5%/tháng với số tiền là 9.000.000 đồng (10.000.000 đồng x 18 tháng x 5%/tháng = 9.000.000 đồng). Tổng cộng là 19.000.000 đồng.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 2016, vợ chồng ông D, bà P tiếp tục hỏi vay của ông T số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, thỏa thuận thời gian trả là 01 tháng, không có làm giấy tờ, từ khi vay đến tháng 11 năm 2016 ông D và bà P đã trả tiền lãi được 800.000 đồng, còn thiếu lại 200.000 đồng và từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay ông D và bà P không trả tiền lãi cũng không trả tiền vốn cho ông T. Tính đến ngày 21 tháng 6 năm 2018, ông D và bà P còn thiếu tiền vốn là 5.000.000 đồng và tiền lãi 5%/tháng với số tiền là 4.500.000 đồng (5.000.000 đồng x 18 tháng x 5%/tháng = 4.500.000 đồng + 200.000đ (tiền lãi còn thiếu)). Tổng cộng là 9.700.000 đồng.

Ông Trần Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh Trí D và bà Trương Thị Chúc P trả cho ông T số tiền vay vốn gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/6/2018 là 13.700.000 đồng. Tổng cộng là 28.700.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày:

Ngày 22/8/2016, ông D, bà P vay của ông T số tiền 10.000.000 đồng, đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi và ngày 30/8/2016, ông D, bà P vay của ông T số tiền 5.000.000 đồng, đã trả được 800.000 đồng tiền lãi. Nay ông T yêu cầu ông D và bà P phải trả số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật là: Từ ngày vay đến ngày 31/12/2016 với lãi suất là 1,125%/tháng và từ ngày 01/01/2017 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1,666%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trương Thị Trúc P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Danh Trí D trình bày:

Bà P và ông D thống nhất với lời trình bày của ông Trần Hữu T. Bà P và chồng của bà là ông Danh Trí D có vay tiền của ông T cụ thể như sau:

- Ngày 22/8/2016, vay 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn 01 tháng trả gốc và lãi, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm giấy tờ, vợ chồng bà P đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi, vốn thì chưa trả.

- Ngày 30/8/2016, vay 5.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn 01 tháng trả gốc và lãi, chỉ thỏa thuận bằng lười nói, không có làm giấy tờ, vợ chồng bà P đã trả được 800.000 đồng tiền lãi, vốn thì chưa trả.

Nay bà P và ông D đồng ý trả số tiền vốn gốc là: 15.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật do ông T yêu cầu. Nhưng do hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn nên bà P và ông D xin trả cho ông T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn D thừa nhận có vay tiền của ông T như sau: Vào ngày 22/8/2016, vay 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn 01 tháng trả gốc và lãi, vợ chồng bà P đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi, vốn thì chưa trả; ngày 30/8/2016, vay 5.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn 01 tháng trả gốc và lãi, vợ chồng bà P đã trả được 800.000 đồng tiền lãi, vốn thì chưa trả. Các bị đơn đồng ý trả số tiền vốn gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng do hoàn cảnh gặp khó khăn nên xin trả cho nguyên đơn mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc trả một lần. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn gốc và lãi suất cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, ông Trần Hữu T cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và bà Trương Thị Trúc P và ông Danh Trí D cùng cư trú tại ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà P và ông D phải trả cho ông T số tiền vay vốn gốc và lãi suất tổng cộng là 28.700.000 đồng. Ông T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho ông T nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và ông T đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của ông Trần Hữu T là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc vào ngày 22/8/2016 là 10.000.000 đồng và tiền lãi 5%/tháng và số tiền vay vốn gốc vào ngày 30/8/2016 là 5.000.000 đồng và tiền lãi 5%/tháng tạm tính đến ngày 21/6/2018 là 13.500.000 đồng và tiền nợ lãi 200.000 đồng. Tổng cộng là 28.700.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc vào ngày 22/8/2016 là 10.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 31/12/2016 với lãi suất là 1,125%/tháng và từ ngày 01/01/2017 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1,666%/tháng và số tiền vay vốn gốc vào ngày 30/8/2016 là 5.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 31/12/2016 với lãi suất là 1,125%/tháng và từ ngày 01/01/2017 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1,666%/tháng. Xét thấy, việc thay đổi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn T và bị đơn P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn D đều thống nhất: Vào ngày 22/8/2016, ông T cho bà P và ông D vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn vay 01 tháng trả gốc và lãi, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm giấy tờ, vợ chồng bà P đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi,

vốn thì chưa trả và ngày 30/8/2016, ông T cho bà P và ông D vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn vay 01 tháng trả gốc và lãi, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm giấy tờ, vợ chồng bà P đã trả được 800.000 đồng tiền lãi, vốn thì chưa trả. Như vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh trong vụ án. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc và lãi suất như sau:

[4.1] - Hợp đồng ngày 22/8/2016, số tiền vay vốn gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

+ Từ ngày 22/8/2016 đến ngày 31/12/2016 với lãi suất là 1,125%/tháng, với số tiền là: 10.000.000 đồng x 4 tháng 10 ngày x 1,125%/tháng = 487.500 đồng.

+ Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/8/2018 là 20 tháng, lãi suất là 1,666%/tháng, với số tiền là: 10.000.000 đồng x 20 tháng x 1,666%/tháng = 3.332.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là: 3.819.500 đồng trừ 2.000.000 đồng đã trả lãi. Như vậy số tiền lãi còn lại là 1.819.500 đồng.

[4.2] - Hợp đồng ngày 30/8/2016, số tiền vay vốn gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

+ Từ ngày 30/8/2016 đến ngày 31/12/2016 là 04 tháng 02 ngày, lãi suất là 1,125%/tháng, với số tiền là: 5.000.000 đồng x 4 tháng 02 ngày x 1,125%/tháng = 228.750 đồng.

+ Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/8/2018 là 20 tháng, lãi suất là 1,666/tháng, với số tiền là: 5.000.000 đồng x 20 tháng x 1,666%/tháng = 1.666.000 đồng.

Tổng cộng là: 1.894.750 đồng trừ 800.000 đồng đã trả lãi. Như vậy số lãi còn lại là 1.094.750 đồng.

[4.3] Như vậy, số tiền vay vốn gốc phải trả: 15.000.000 đồng và số tiền lãi còn lại phải trả: 2.914.250 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi phải trả là 17.914.250 đồng.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn T, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn P đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn D đồng ý trả cho nguyên đơn T số tiền vay vốn gốc còn lại phải trả: 15.000.000 đồng và số tiền lãi còn lại phải trả: 2.914.250 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi phải trả là 17.914.250 đồng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận và ý chí tự nguyện của các bên không trái với quy định

của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận trên. Tại phiên tòa, bà P trình bày do hiện nay bà P và ông D đang gặp khó khăn về tài chính nên xin trả cho ông T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng ông T không đồng ý, đồng thời vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn ông Danh Trí D và bà Trương Thị Trúc P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Trần Hữu T số tiền vay vốn gốc 15.000.000 đồng và số tiền lãi còn lại phải trả 2.914.250 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi phải trả: 17.914.250 đồng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên các bị đơn ông Danh Trí D và bà Trương Thị Trúc P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 17.914.250 đồng = 895.712 đồng.

[9] Nguyên đơn ông Trần Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 3 Điều 92 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471; khoản 1 Điều 474; khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T.

2. Xử buộc các bị đơn ông Danh Trí D và bà Trương Thị Trúc P phải trả cho nguyên đơn ông Trần Hữu T số tiền vay vốn gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi

còn lại phải trả là 2.914.250 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi phải trả: 17.914.250 đồng (mười bảy triệu chín trăm mười bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông D và bà P còn phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Danh Trí D và bà Trương Thị Trúc P phải chịu 895.712 đồng (tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn ông Trần Hữu T số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 717.500 đồng (bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0000060 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn